

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Vũ Đình H** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm N 3, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Bùi Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Quốc H và chị Bùi Thị B thuận tình ly hôn nhau.

2.2. *Về con chung:* Anh Nguyễn Quốc H và chị Bùi Thị B có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 05/10/2008 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 09/10/2014. Khi ly hôn, anh Nguyễn Quốc H nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Việt A, chị Bùi Thị B nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quỳnh A. Anh Nguyễn Quốc H và chị Bùi Thị B đều chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Quốc H và chị Bùi Thị B đều có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung:* Không có.

2.4. *Về nợ chung:* Anh Nguyễn Quốc H và chị Bùi Thị B thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Ngọc D tổng số tiền cả gốc và lãi là 113.000.000 (*Một trăm mười ba triệu*) đồng vay ngày 27/10/2011. Nợ anh Lê Văn H cả số tiền cả gốc và lãi là 90.000.000 (*Chín mươi triệu*) đồng theo giấy cam kết ngày 20/12/2011. Khi ly hôn anh Nguyễn Quốc H nhận nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền nợ là 56.500.000 (*Năm mươi sáu triệu*) đồng và thanh toán trả cho anh Lê Văn H số tiền nợ là 45.000.000 (*Bốn mươi lăm triệu*) đồng. Chị Bùi Thị B nhận nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền nợ là 56.500.000 (*Năm mươi sáu triệu*) đồng và thanh toán trả cho anh Lê Văn H số tiền nợ là 45.000.000 (*Bốn mươi lăm triệu*) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án không chịu trả các khoản nợ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả và theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.5. *Về án phí:* Anh Nguyễn Quốc H nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001390 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; anh Nguyễn Quốc H còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc D nhận chịu án phí dân sự là 2.825.000 đồng, được trừ vào 2.250.000 đồng theo Biên lai số 0004624 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; ông Nguyễn Ngọc D còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự là 575.000 đồng.

Anh Lê Văn H nhận chịu án phí dân sự là 2.250.000 đồng, được trừ vào 1.600.000 đồng theo Biên lai số 0004623 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; anh Lê Văn H còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự là 650.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
 - Viện KSND huyện Tân Lạc;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
 - UBND xã T – Tân Lạc –Hòa Bình;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 27/02/2008);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn